

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 50/2024/DSST

Ngày 04/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Chu Hồng Văn;

- Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- **Thư ký Tòa án:** Bà Lưu Thị Trung – Thư ký TAND huyện Lục Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:**

Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2024/TLST-DS ngày 24/6/2024, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-DS ngày 25/7/2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2024/QĐST-DS ngày 16/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** - Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1962 (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970 (bà D uỷ quyền cho ông T tham gia tố tụng, ông T có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** - Chị Đặng Thị T1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:**

Yêu cầu chị Đặng Thị T1 và anh Nguyễn Văn P phải trả cho vợ chồng ông các khoản nợ theo các hợp đồng vay tài sản sau:

- Hợp đồng vay tài sản ngày 05/4/2020, số tiền vay là 40.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ 20.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay tài sản ngày 09/6/2020, số tiền vay là 100.000.000 đồng, đã trả 6.000.000 đồng, còn nợ 94.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc của 2 hợp đồng vay tài sản là 114.000.000 đồng (một trăm 114.000.000 đồng). Tiền lãi tính đến ngày khởi kiện là 47.000.000 đồng.

Cả gốc và lãi là 161.000.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T bà D có đơn đề nghị thi hành án mà chị T1 anh P không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông và anh Nguyễn Văn P có quan hệ họ hàng, anh P phải gọi ông là chú xưng cháu. Do cần tiền làm ăn, nên anh P chị T1 có hỏi vay tiền ông, cụ thể:

- Ngày 05/4/2020, số tiền vay là 40.000.000 đồng;

- Ngày 09/6/2020, số tiền vay là 100.000.000 đồng,

Tổng cộng hai lần vay là 140.000.000 đồng.

Khi vay hai bên không thoả thuận thời hạn trả nợ, lãi suất thoả thuận miệng là 1%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi trả xong nợ.

- Đối với khoản vay 40.000.000 đồng, anh P đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ gốc 20.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay 100.000.000 đồng, anh P đã trả được 6.000.000 đồng, còn 94.000.000 đồng.

Tổng cộng còn nợ là 114.000.000 đồng.

Sau 2 lần trả tiền trên, anh P không trả nữa và bỏ đi làm ăn xa, ông đã đòi nhiều lần, nhưng anh P không trả. Nay ông đề nghị anh P và chị T1 phải trả ông 114.000.000 đồng nợ gốc và 47.000.000 đồng nợ lãi và lãi suất tiếp theo cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản làm việc ngày 28/8/2024 ông T rút yêu cầu tính lãi, ông T chỉ đề nghị anh P, chị T1 trả nợ gốc là 114.000.000 đồng.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và vợ anh Đặng Thị T1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số: 99/TB-TLVA ngày 21/6/2024 của Tòa án gửi qua đường Bưu điện khoảng ngày 26/6/2024. Tuy nhiên anh và vợ anh đi làm ăn, bận công việc, nên không đến Tòa án làm việc được.

Việc ông T khởi kiện, anh có ý kiến như sau: Anh và ông T có quan hệ chú cháu; ông T là chú ruột anh. Hai vợ chồng anh có vay tiền ông T 2 lần, cụ thể:

- Ngày 05/4/2020 vay là 40.000.000 đồng và ngày 09/6/2020, số tiền vay là 100.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 140.000.000 đồng.

Khi vay, hai bên thỏa thuận lãi là 1%/tháng kể trừ khi vay cho đến khi trả xong nợ. Mục đích vay tiền để làm ăn kinh tế phát triển kinh tế gia đình. Do làm ăn thu lỗ, nên anh chưa trả hết tiền cho ông T được.

Anh và vợ anh đã trả cho ông T các khoản tiền như sau:

- Khoản vay 40.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ gốc 20.000.000 đồng.

- Khoản vay 100.000.000 đồng, trả được 6.000.000 đồng, còn 94.000.000 đồng.

Tổng cộng còn nợ là 114.000.000 đồng.

Ông T yêu cầu hai vợ chồng anh phải trả số tiền nợ gốc là 114.000.000 đồng anh đồng ý.

Do hiện nay anh chưa có tiền, nên đề nghị Tòa án cho anh trả dần. Giấy vay tiền đề 09/6/2020 nội dung ghi anh và chị T1 vay ông T bà D 100.000.000 đồng là vợ anh viết ra.

* Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Văn P xin vắng mặt; chị Đặng Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vẫn vắng mặt.

- Nguyên đơn ông T trình bày: Ông và anh Nguyễn Văn P có quan hệ chú cháu, Do cần tiền làm ăn, nên vợ chồng anh P có vay của vợ chồng ông 2 lần tiền, cụ thể: Ngày 05/4/2020, số tiền vay là 40.000.000 đồng và ngày 09/6/2020, số tiền vay là 100.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 140.000.000 đồng.

Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi trả xong nợ.

- Đối với khoản vay 40.000.000 đồng, anh P đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ gốc 20.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay 100.000.000 đồng, anh P đã trả được 6.000.000 đồng, còn 94.000.000 đồng.

Tổng cộng còn nợ là 114.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, ông có yêu cầu trả lãi để anh P và chị T1 có trách nhiệm trả tiền cho vợ chồng ông. Nay ông thấy anh P là cháu ruột, nên ông không yêu cầu trả lãi. Ông xin rút yêu cầu trả lãi đối với anh P và chị T1.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ

án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng qui định. Viện kiểm sát không kiến nghị gì.

- Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều: 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Điều 26, 35, 39; Điều 147, Điều 217, Điều 218 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D.

Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị T1 phải trả ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D 114.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị T1 phải chịu 5.700.000 đồng tiền phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D1 đề nghị anh Nguyễn Văn P chị Đặng Thị T2 phải trả số tiền đã vay. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị T1 là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh P có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt anh P.

Chị Đặng Thị T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ 2 lần, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Toà án xét xử vắng chị T1 theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của BLTTDS

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Văn P có quan hệ họ hàng; anh P phải gọi ông T là chú, xứng cháu.

Do cần tiền làm ăn, nên anh P đã 2 lần vay tiền của ông T; cụ thể: Ngày 05/4/2020 vay là 40.000.000 đồng và ngày 09/6/2020 vay là 100.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 140.000.000 đồng.

Điều này anh P công nhận. Căn cứ Điều 92 của BLTTDS thì đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Do đó cần xác định anh P chị T1 đã 2 lần vay tiền của ông T và bà D, cụ thể: Ngày 05/4/2020 vay là 40.000.000 đồng và ngày 09/6/2020 vay là 100.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 140.000.000 đồng.

Anh P và ông T đều xác nhận, anh P đã trả nợ cho ông T các khoản tiền như sau: Khoản vay 40.000.000 đồng, ngày 06/7/2020 chị T1 trả 20.000.000 đồng, còn nợ gốc 20.000.000 đồng; khoản vay 100.000.000 đồng, ngày 09/7/2020 trả được 3 triệu đồng và ngày 9/8/2020 trả tiếp được 3 triệu đồng. Còn nợ gốc 94.000.000 đồng.

Ông T đã nhiều lần yêu cầu anh P chị T1 trả tiền, nhưng anh P chị T1 không trả. Như vậy anh P, chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 BLDS. Do đó cần buộc anh P và chị T1 phải trả ông T và bà D số tiền đã vay là:

Khoản ngày 06/7/2020 còn nợ gốc 20.000.000 đồng.

Khoản ngày 09/7/2020 còn nợ gốc 94.000.000 đồng.

Tổng cộng cả 2 khoản vay là 114.000.000 đồng.

[5] Về yêu cầu tính lãi:

Tại đơn khởi kiện ông T và bà D yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng. Tại phiên toà ông T rút yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc rút yêu cầu tính lãi của ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần đình chỉ yêu cầu này.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy

đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS.

- Yêu cầu khởi kiện của ông T bà D được chấp nhận, do đó ông T bà D không phải chịu án phí. Trả lại ông T bà D2 tạm ứng án phí.

- Anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 114.000.000 đồng x 5% = 5.700.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 116, 117, 118, 119, 357, 463, 464, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Các Điều: Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 150, Điều 217, Điều 218, khoản 1 và 3 Điều 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D.

Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị T1 phải trả ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D số tiền: 114.000.000 đồng (một trăm mười bốn triệu đồng), theo 2 hợp đồng vay tài sản gồm: Hợp đồng vay tài sản ngày 06/7/2020 còn nợ gốc 20.000.000 đồng và hợp đồng vay tài sản ngày 09/7/2020 còn nợ là 94.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (tiền án phí không tính lãi).

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D.

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Trả lại ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D 4.025.000 đồng (bốn triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008286 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh